

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 16/06/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank);
- Căn cứ nội dung và kết quả biểu quyết các nội dung đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông ngày 26/4/2022;

Đại hội đồng cổ đông thường niên Vietbank năm 2022 nhất trí:

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022:

a. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

- Chỉ tiêu về quy mô:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	THỰC HIỆN 2021	KẾ HOẠCH 2021	% KH 2021	+/- KH 2021
Tổng tài sản	103.377	120.000	86,1%	-16.623
Tổng dư nợ cho vay (bao gồm TPDN)	56.678	60.000	94,5%	-3.322
Tổng huy động vốn (bao gồm GTCG)	74.391	91.000	81,7%	-16.609
Vốn điều lệ	4.777			

- Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh:

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	THỰC HIỆN 2021	KẾ HOẠCH 2021	% KH 2021	+/- KH 2021
1	Tổng TN hoạt động	2.258			

gh

STT	Chỉ tiêu	THỰC HIỆN 2021	KẾ HOẠCH 2021	% KH 2021	+/- KH 2021
2	Tổng CP hoạt động	1.142			
3	LN từ HĐKD trước DP (=1-2)	1.115			
4	CP (Hoàn nhập) DP RRTD	480			
5	LNTT (=3-4)	636	1.100	57,8%	-464

- Chỉ số về an toàn hoạt động:

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Quy định NHNN	So với quy định	+/- TH Năm 2020
NPL (Tỷ lệ nợ xấu) theo qui định NHNN	2,25%	≤ 3%	Đạt	0,96%
CAR (HS an toàn vốn tối thiểu) -Theo TT41/NHNN	10,05%	≥ 8%	Đạt	0,70%
LDR (Tỷ lệ CV/Tổng HĐ)	55,19%	≤ 85%	Đạt	0,21%
Tỷ lệ nguồn vốn NH CV TDH	33,25%	≤ 37%	Đạt	6,94%

b. Kế hoạch kinh doanh năm 2022:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Mức tăng so với 2021	Tỷ lệ tăng so với 2021
Tổng Tài sản	103.377	133.000	29.623	28,7%
Tổng dư nợ cho vay	56.678	65.200	8.522	15,0%
Huy động từ khách hàng (gồm GTCG)	74.391	102.000	27.609	37,1%
Lợi nhuận trước thuế	636	1.090	454	71,4%
Tỷ lệ nợ xấu (N345 / Tổng dư nợ CTD theo TT11/NHNN)	2,25%	≤ 2,5%		

2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán với các chỉ tiêu cơ bản trên BCTC năm 2021 đã được kiểm toán như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	
		BCTC riêng lẻ đã kiểm toán	BCTC hợp nhất đã kiểm toán
Về các chỉ tiêu liên quan đến kinh doanh			
1	Tổng tài sản	103.377.671	103.377.281
2	Tổng dư nợ khách hàng (Sau DPRRTD)	49.612.464	49.612.464
	Tổng dư nợ khách hàng (Trước DPRRTD)	50.530.156	50.530.156

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	
		BCTC riêng lẻ đã kiểm toán	BCTC hợp nhất đã kiểm toán
3	Tổng huy động		
	-Từ TCTD khác	16.815.939	16.815.939
	-Từ khách hàng	66.757.140	66.755.406
4	Lợi nhuận trước thuế	635.065	635.782
Về các chỉ tiêu liên quan đến vốn chủ sở hữu			
1	Vốn chủ sở hữu	5.743.419	5.744.166
2	Vốn điều lệ	4.776.827	4.776.827
3	Các quỹ dự trữ	320.264	320.264
4	Lãi (lỗ) lũy kế	646.328	647.075

3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị; kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, các Hội đồng, Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị.
4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về: kết quả kinh doanh của Vietbank, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động các thành viên Ban kiểm soát.
5. Thông qua Báo cáo tiến độ triển khai hồ sơ tăng vốn năm 2020, thực hiện mua cổ phiếu quỹ, niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/5/2020 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2021. Theo đó:
 - a. Đối với việc mua cổ phiếu quỹ:
 - (i) Không thực hiện mua cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông năm 2021.
 - (ii) Giao Hội đồng quản trị quyết định việc sử dụng số dư quỹ khen thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2018, 2019 theo đúng quy định.
 - b. Đối với việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán:
 - (i) Thực hiện niêm yết cổ phiếu Vietbank tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) khi thời điểm và điều kiện thị trường thuận lợi trên cơ sở đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.
 - (ii) Giao cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm niêm yết cụ thể, các tài liệu, hồ sơ chỉ đạo Ban điều hành, các Khối/Trung tâm/Phòng, Ban và Văn phòng HĐQT thực hiện các thủ tục liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

ĐK

6. Thông qua Báo cáo tiến độ, kết quả phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2021 – Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐGDĐ, theo đó, Đại hội đồng cổ đông thống nhất: tiếp tục triển khai chào bán trái phiếu ra công chúng theo Phương án đã được thông qua ngay sau khi nhận được Văn bản chấp thuận từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
7. Thông qua Báo cáo tiến độ triển khai thực hiện đầu tư mua tài sản Lim 2 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/5/2020 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2021.
8. Thông qua Báo cáo các khoản cấp tín dụng đối với các đối tượng theo quy định khoản 1 Điều 127 Luật Các TCTD.
9. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	KHOẢN MỤC	THUYẾT MINH	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
1	Lợi nhuận (LN) trước thuế hợp nhất			635.782
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp			129.187
A	LN sau thuế hợp nhất chưa phân phối	(1)-(2)		506.595
B	LN sau thuế của công ty mẹ			505.878
C	Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	B x	5%	25.294
D	Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	B x	10%	50.588
E	LN còn lại sau thuế và trích các Quỹ bắt buộc	A-C-D		430.713
F	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			0
G	Chia cổ tức (Vốn điều lệ X Tỷ lệ chia cổ tức)		0%	0
H	LN giữ lại không chia	E-F-G		430.713

10. Thông qua Kế hoạch tăng vốn các năm tiếp theo giai đoạn từ 2023-2025, Phương án tăng vốn điều lệ năm 2022, cụ thể như sau:

a. Kế hoạch tăng vốn các năm tiếp theo giai đoạn từ 2023-2025:

Stt	Kế hoạch tăng vốn	Đơn vị	2021	2022	2023	2024	2025
1	Vốn cấp 1	tỷ đồng	5.740	7.618	9.898	12.858	16.738
a)	Vốn cấp 1 theo kế hoạch kinh doanh	tỷ đồng	5.740	6.618	7.898	9.858	12.738
b)	Tăng vốn điều lệ (vốn góp mới)	tỷ đồng	0	1.000	1.000	1.000	1.000
2	Vốn cấp 2	tỷ đồng	2.403	3.814	6.995	10.439	13.245
a)	Vốn cấp 2 theo kế hoạch kinh doanh	tỷ đồng	2.403	2.314	1.995	1.739	1.545
b)	Phát hành TP tăng vốn cấp 2 mới	tỷ đồng	0	1.500	3.500	4.000	4.000

Stt	Kế hoạch tăng vốn	Đơn vị	2021	2022	2023	2024	2025
I	Vốn tự có theo KH KD	tỷ đồng	8.143	8.931	9.893	11.597	14.284
II	Vốn tự có theo kế hoạch tăng vốn	tỷ đồng	8.143	11.431	16.893	23.297	29.984
III	Chênh lệch giữa vốn tự có theo kế hoạch tăng vốn và vốn mục tiêu						
	Chênh lệch = $C_A - C_{target}$	tỷ đồng	1.265	542	2.763	5.126	6.773
	CAR 41		9,99%	10,02%	11,39%	12,14%	12,29%
	CAR 13 (ICAAP)		9,59%	9,42%	10,73%	11,51%	11,59%

b. Kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2022:

a. Phương án tăng vốn điều lệ:

(i) Mức tăng Vốn điều lệ:

- Vốn Điều lệ tại thời điểm 31/12/2021: **4.776.826.690.000 đồng** (Bốn ngàn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng chẵn); tất cả đều là cổ phần phổ thông.
- Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: **1.003.000.000.000 đồng** (một nghìn không trăm lẻ ba tỷ đồng chẵn), tăng 21% so với cuối năm 2021;
- Vốn Điều lệ mới dự kiến sau khi hoàn tất việc tăng vốn trong năm 2022: **5.779.826.690.000 đồng** (Năm ngàn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng chẵn);

(ii) Thông tin về cổ phiếu:

- Loại chứng khoán phát hành: cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu (CP): 10.000 đồng (mười ngàn đồng chẵn)/ CP;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến: **100.300.000 CP** (một trăm triệu ba trăm ngàn cổ phiếu).

(iii) Nguồn và phương thức tăng vốn điều lệ:

- Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ: từ cổ đông góp mới **1.003.000.000.000 đồng** (một nghìn không trăm lẻ ba tỷ đồng chẵn)
- Vietbank phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nhằm tăng vốn điều lệ năm 2022.

(iv) Các thông tin về tăng vốn trong năm:

- Đối tượng: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Vietbank tại thời điểm chốt danh sách cổ đông theo quy định của pháp luật;
- Giá phát hành: 10.000 đồng/ CP;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến: **100.300.000 CP** (một trăm triệu ba trăm ngàn cổ phiếu);
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành: **1.003.000.000 000 đồng** (một nghìn không trăm lẻ ba tỷ đồng chẵn);
- Tỷ lệ phân phối cổ phiếu phát hành: Dự kiến 21% số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2021. Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm với tỷ lệ

phân phối là 100 : 21 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ mua thêm 21 cổ phiếu phát hành thêm);

- Mục đích phát hành: Tăng vốn điều lệ;
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Thời điểm thực hiện: Dự kiến từ Quý 3 đến Quý 4 năm 2022. Thời gian thực hiện cụ thể giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với Giấy phép/Chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà Nước có thẩm quyền và phù hợp với điều kiện thị trường.

(v) Nguyên tắc xử lý cổ phiếu lẻ:

- Số lượng cổ phiếu phát hành được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ không được làm tròn thành 01 cổ phiếu;
- Số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) giao cho HĐQT quyết định.

(vi) Kế hoạch sử dụng vốn thu được:

Toàn bộ phần vốn tăng từ phát hành cổ phiếu năm 2022 là **1.003.000.000.000** đồng được dự kiến sử dụng toàn bộ cho việc mở rộng mạng lưới hoạt động, bảo đảm tuân thủ các tỷ lệ an toàn trong hoạt động, sinh lợi cho hoạt động kinh doanh Vietbank, đảm bảo phù hợp quy định của NHNN về tỷ lệ đầu tư tài sản cố định đối với tổ chức tín dụng.

(vii) Hiệu quả kinh doanh trên cơ sở mức Vốn điều lệ mới:

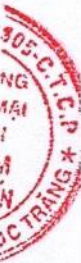
STT	Chỉ tiêu (đvt tỷ đồng, %)	Thực hiện 2021	KH 2022	
			Chỉ tiêu	% tăng trưởng
1	Vốn điều lệ	4.777	5.780	21%
2	Dư nợ tín dụng (a + b)	56.678	65.200	15%
a	Dư nợ cho vay khách hàng	50.530		
b	Số dư mua, đầu tư TP doanh nghiệp	6.148		
3	Huy động từ khách hàng (bao gồm GTCG)	74.391	102.000	37%
4	Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	14.639	20.645	41%
5	Tiền gửi của và vay các TCTD khác	21.354	20.914	-2%
6	Tổng Tài sản	103.780	133.000	28%
7	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	636	1.090	71%
8	Tỷ lệ nợ xấu (NPL) theo TT11/NHNN	2,25%	≤ 2,5%	
9	Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo TT41	10,05%	≥ 9,7%	
10	Các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác	Tuân thủ quy định của NHNN	Đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN	
11	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	9,19%	12,00%	31%

12	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản Có bình quân (ROA)	0,52%	0,68%	31%
----	--	-------	-------	-----

- b. Chấp thuận mức vốn điều lệ mới trên cơ sở kết quả triển khai thành công của Phương án.
- c. Giao và ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị quyết định, bao gồm nhưng không giới hạn:
- (i) Các vấn đề, thủ tục pháp lý cần thiết, kể cả việc sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh Phương án khi trình để được Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền xem xét và chấp thuận, dựa trên các nguyên tắc phù hợp với điều kiện thực tế hoạt động của Vietbank; tuân thủ đúng quy định của pháp luật; và đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
 - (ii) Thời điểm phát hành kể cả thời điểm dừng đợt phát hành cổ phiếu phù hợp với thực tế và hướng dẫn của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;
 - (iii) Xử lý số cổ phiếu lẻ;
 - (iv) Sửa đổi, bổ sung kế hoạch sử dụng vốn thu được, để đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế kinh doanh và đem lại hiệu quả cho Vietbank;
 - (v) Sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký lưu ký, giao dịch đối với chứng khoán bổ sung theo hướng dẫn của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;
 - (vi) Thực hiện các thủ tục pháp lý về sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ và các giấy tờ pháp lý khác có liên quan đến cập nhật mức vốn điều lệ mới của Vietbank.

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, Hội đồng quản trị có quyền quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được ủy quyền; Thực hiện và/hoặc chỉ đạo, phân công các đơn vị thuộc Vietbank thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật; Hoàn chỉnh, hoàn thiện và ký các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan; Làm việc với các Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và các Bên liên quan; Thực hiện mọi công việc và thủ tục cần thiết khác để triển khai nhiệm vụ được giao, phù hợp với quy định pháp luật.

11. Thông qua Tờ trình thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022, cụ thể:
- Tổng ngân sách và thù lao hoạt động của HĐQT và BKS dự kiến năm 2022 là 20.000.000.000 đồng (*Hai mươi tỷ đồng chẵn*);
 - Tổng mức thù lao của các thành viên HĐQT, Ban KS là chưa bao gồm thuế TNCN. Toàn bộ thuế TNCN liên quan theo quy định sẽ do Vietbank chi trả. Đồng thời Đại hội đồng Cổ đông thuận giao cho HĐQT/Thường trực HĐQT quyết định mức thù lao cụ thể đối với từng thành viên.
12. Thông qua Tờ trình v/v lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán/soát xét báo cáo tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ cho năm tài chính đối với năm tài chính 2022 và năm tài chính 2023, cụ thể:
- Đối với năm tài chính 2022 và năm 2023: chấp thuận chọn Công ty KPMG thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ và Vietbank AMC.



- Trong trường hợp có sự thay đổi đơn vị kiểm toán độc lập năm 2023, chấp thuận lựa chọn 01 (một) trong số 03 (ba) công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tại Việt Nam (bao gồm các công ty: PricewaterhouseCoopers-PWC, Deloitte, EY) hoặc 01 (một) trong 30 (ba mươi) công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Việc lựa chọn sẽ được Ban kiểm soát đề xuất cụ thể gửi đến Hội đồng quản trị và báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ Đại hội đồng cổ đông liền kề.
- 13. Thông qua Báo cáo về kết quả phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định tại Thông tư 11/2021/TT-NHNN.
- 14. Thông qua Báo cáo công khai lợi ích liên quan của các TV HĐQT, BKS và Ban TGD định kỳ hàng năm (năm 2021).

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Cơ quan TTGSNH – NHNN;
- NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu Thư ký HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



DƯƠNG NHẤT NGUYÊN